TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-PT
Ngày: 21-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Phùng Văn H và Võ Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2023/HSST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phùng Văn H, sinh năm 1995 tại tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKTT: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Phùng Văn Đ1, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1974; vợ: Nguyễn Thị Ngọc X; con: có 01 con, sinh năm 2017; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án số: 14/2019/HSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Giao cấu với trẻ em", chấp hành xong ngày 07/10/2020; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC ngày 29/7/2022 của Trưởng Công an huyện B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 (một triệu năm

trăm nghìn) đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã đóng phạt ngày 08/8/2022); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2022 cho đến nay; có mặt.

2. Võ Văn Đ, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số E ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn, chăn nuôi; trình độ học vấn: lớp 11/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Võ Văn K (chết) và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1946; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPHC ngày 29/7/2022 của Trưởng Công an huyện B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã đóng phạt ngày 08/8/2022); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2022 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phùng Văn H:* Ông Trương Văn T1 – Luật sư Văn phòng luật sư Trương Văn T1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 26/7/2022, Võ Văn Đ, Phạm Thành L (sinh năm 1993, cư trú ở ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre), Đặng Văn H1 (sinh năm 1996, cư trú ở ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre), Phan Thị Như Y (sinh năm 1990, cư trú ở ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre) tổ chức hát karaoke tại phòng số 3 quán H4 (ở Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre) của chị Phạm Thị Xuân L1 (sinh năm 1977) quản lý. Trong lúc hát, Võ Văn Đ nói với mọi người trong phòng mua ma túy đem vào phòng để sử dụng thì Y nói "Đảo có tiền thì mua trước, ai sử dụng thì trả tiền lại cho Đ"; L và H1 không có ý kiến. Sau đó, Đ điện thoại cho Phùng Văn H nói tại phòng số 3 quán H5 nhiều người muốn sử dụng ma túy và nhờ H mua 02 con kẹo và 01 con khây đến cùng sử dụng thì H đồng ý và báo giá là 2.400.000 đồng rồi Đ điện thoại rủ thêm Lê Thành Đ2 (sinh năm 1991, cư trú ở ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre) đến karaoke thì Đ2 đồng ý. Sau đó, H đến thị trấn B thì gặp một người bạn quen trước đây cùng sử dụng ma túy với H (không rõ nhân thân lai lịch) nên hỏi mua 4.000.000 đồng ma túy gồm 02 túi nilon, mỗi túi chứa 03 viên ma túy dạng kẹo màu xanh và 01 túi nilon bên trong có chứa chất ma túy màu trắng (khây) rồi đem vào phòng số 3 quán Hoa Cau. H lấy 01 túi nilon bên trong chứa 03 viên ma túy dạng kẹo màu xanh và 01 túi nilon chứa ma túy dạng khây để vào rãnh vách bàn uống nước, túi nilon còn lại H mở ra lấy túi nilon chứa ma túy khây đổ ra dĩa sành có sẵn trên bàn đồng thời đưa cho Đ 02 viên ma túy

màu xanh dạng kẹo, H giữ lại 01 viên ma túy dạng kẹo, sau đó Đ trả đủ tiền 2.400.000 đồng cho H. Đảo đưa cho H 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng để H cuộn tròn lại rồi Đ thấy trên bàn của Đ2 có gói thuốc lá hiệu JET và bật lửa nên lấy 03 điếu thuốc tách lấy giấy bao đầu lọc đưa cho H để H gắn vào tờ tiền đã cuộn tròn cố định thành dụng cụ sử dụng ma túy, H hỏi có ai có thẻ ATM không nhưng không nói để làm gì thì L lấy thẻ ATM đưa cho H. H dùng bật lửa hơ dĩa nấu ma túy rồi lấy thẻ ATM cà ma túy trong dĩa, lúc này bạn gái của H là Nguyễn Thị N (sinh năm 2001, cư trú ở ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre) điện thoại cho H nói là đến quán karaoke nên H ra rước N vào phòng số 3 quán H4. Đảo đem 02 viên ma túy dạng kẹo ngâm vào ly nước ngọt để trên bàn và thông báo cho mọi người biết để lấy sử dụng. Hậu bẻ 01 viên ma túy dạng kẹo đưa N sử dụng, nửa viên còn lại H ngâm vào ly nước ngọt trên bàn tại vị trí H và N ngồi để cùng sử dụng. H cầm dĩa ma túy hút trước rồi H cầm dĩa đưa sang cho Ngọc h, kế đến Đ cầm dĩa ma túy hút xong rồi đưa Y hút, sau đó H1 hút; đồng thời, H, N, Đ, Y, H1, Đ2, L đều uống ly nước có ngâm ma túy. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện B phát hiện bắt quả tang. Kết quả test nhanh tất cả đều dương tính chất ma túy.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- Thu giữ khi khám nghiệm hiện trường:

+ Thu giữ ngay vị trí liền kề chân Phùng Văn H: 01 túi nilon màu trắng kích thước 05cm x 08cm có ba cạnh kín, một mặt có rãnh bấm có đường viền màu đỏ, bên trong chứa 03 viên nén hình tròn có răng cưa màu xanh và 01 túi nilon kích thước 03cm x 3,5cm có ba mặt cạnh đều kín, một mặt có rãnh bấm có đường viền màu xanh bên trong có chứa nhiều chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu T01, chưa xử lý.

+ 01 túi nilon kích thước 05cm x 08cm có ba mặt kín, mặt còn lại có có rãnh bấm có đường viền màu đỏ, bên trong rỗng. 01 túi nilon kích thước 03cm x 3,5cm có ba mặt cạnh đều kín, một mặt có rãnh bấm có đường viền màu xanh bên trong rỗng. 01 bật lửa màu xanh, 01 ống cuộn tròn bằng tiền polime mệnh giá 10.000 đồng có kích thước 0,06cm x 13,5cm bên ngoài được bao bọc bằng ba cuộn giấy màu vàng ở ba vị trí để cố định thành ống tròn, 01 thẻ nhựa. Tất cả được niêm phong trong phong bì ký hiệu T02, chưa xử lý.

+ 01 cái dĩa màu trắng hình tròn, chưa xử lý.

- Thu giữ khi bắt quả tang:

+ Thu giữ của Võ Văn Đ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen được niêm phong trong phong bì ký hiệu M01.

+ Thu giữ của Phùng Văn H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen được niêm phong trong phong bì ký hiệu M02, tiền Việt Nam 22.200.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M03.

+ Thu giữ của Phan Thị Như Y: 01 điện thoại di động hiệu S màu đen được niêm phong trong phong bì ký hiệu M04, tiền Việt Nam 31.700.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M05, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho Phan Thị Như Y.

+ Thu giữ của Đặng Văn H1: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen dạng nút bấm được niêm phong trong phong bì ký hiệu M06, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho Đặng Văn H1.

+ Thu giữ của Lê Thành Đ2: 01 điện thoại di động hiệu Realme màu đen dạng màn hình cảm ứng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M07, tiền Việt Nam 7.600.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M08, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho Lê Thành Đ2.

+ Thu giữ của Phạm Thành L: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen dạng màn hình cảm ứng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen dạng nút bấm được niêm phong trong phong bì ký hiệu M09, tiền Việt Nam 19.700.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M10, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho Phạm Thành L.

Tại Bản kết luận giám định số 346/2022/KL-KTHS ngày 28/7/2022, Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T01 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 1,5963gam. 03 viên nén màu xanh đựng trong 01 túi nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T01 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 1,0553gam. H2 lại mẫu sau giám định: Mẫu tinh thể màu trắng có khối lượng 1,3398gam; mẫu viên nén màu xanh có khối lượng 0,7063gam.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 21-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Phùng Văn H phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo Võ Văn Đ phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 08 (T2) năm tù về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 02 (Hai) năm tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 10

(mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/8/2022.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/8/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 23/3/2023 bị cáo Phùng Văn H và bị cáo Võ Văn Đ kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản án sơ thẩm; bị cáo H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cả hai tội.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phùng Văn H phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo các điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Văn Đ phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Về hình phạt: Đối với bị cáo Võ Văn Đ mức hình phạt 07 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt nên không có căn cứ giảm cho bị cáo; đối với bị cáo H phạm vào nhiều tình tiết định khung tăng nặng nên mức hình cao hơn bị cáo Đ mức 08 năm tù là phù hợp và 02 năm tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" là phù hợp. Không có căn cứ giảm hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 08 (tám) năm tù về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 02 (hai) năm tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội đối với bị cáo H là 10 (mười) năm tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ 07 (bảy) năm tù. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo H cho rằng thống nhất về tội danh, số ma túy bị thu giữ, bị cáo H cho rằng sẽ tiếp tục sử dụng. Về tình tiết giảm nhẹ bổ sung thêm tình tiết gia đình có công đất nước, bị cáo H sống chung với bà nội là bà Thái Thị H3, sinh năm 1948. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cả hai tội, đối với "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" áp dụng hình phạt bằng với hình phạt mà bị cáo Đ bị xử phạt là 07 năm tù.

Lời nói sau cùng, bị cáo H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt để sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 26/7/2022 tại phòng số 3 quán H4 thuộc Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, Võ Văn Đ và Phùng Văn H đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho bản thân và những người khác gồm: Phan Thị Như Y, Đặng Văn H1, Lê Thành Đ2, Phạm Thành L, Nguyễn Thị N sử dụng. Riêng Phùng Văn H còn có hành vi tàng trữ trái phép 1,5963gam chất ma túy loại Ketamine và 1,0553gam chất ma túy loại MDMA để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Bị cáo Phùng Văn H có 01 tiền án về tội phạm rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý. Các bị cáo phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn. Với ý thức, hành vi, nhân thân, số lượng chất ma túy và số người tham gia sử dụng ma túy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phùng Văn H phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo các điểm b *"Đối với 02 người trở lên"*, h *"Tái phạm nguy hiểm"* khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i *"Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này"* khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Văn Đ phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b *"Đối với 02 người trở lên"* khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng

hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo Phùng Văn H có 01 tiền án, bị cáo Võ Văn Đ không có tiền án; các bị cáo tuy không có tiền sự nhưng sau khi phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên được xem là có nhân thân không tốt; bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng, bị cáo H có tiền án về tội rất nghiêm trọng nên phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự (đối với "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"); về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Võ Văn Đ đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, có ông nội Võ Văn R là liệt sĩ (tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo Phùng Văn H đã thành khẩn khai báo (theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Xét hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Đ 07 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, bị cáo không đủ tình tiết giảm nhẹ để áp dụng hình phạt dưới khung, trong khi bị cáo là người rủ rê, lôi kéo nhiều người khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy nên được giữ nguyên.

Đối với bị cáo H ở "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" bị cáo phạm vào nhiều tình tiết định khung tăng nặng hơn so với bị cáo Đ nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt cao hơn với mức 08 năm tù là phù hợp được giữ nguyên; đối với "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết gia đình có công đất nước, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ và sống chung với bà nội là bà Thái Thị H3, sinh năm 1948 (theo sổ hộ khẩu), thuộc tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và với các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo nên cần giảm thêm một phần hình phạt cho bị cáo H cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên; quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: bị cáo Đ phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận; bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn H phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo Võ Văn Đ phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

1.1. Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phùng Văn H** 08 (tám) năm tù về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 01 (một) năm tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phùng Văn H chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/8/2022.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Văn Đ** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/8/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Võ Văn Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Phùng Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (6b);
- VKSND huyện Ba Tri (1b);
- Công an huyện Ba Tri (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã T, xã M, xã H, h. Ba Tri (3b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (2b);
- Các bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tỉnh